TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2017/KDTM-ST.
Ngày: 31/7/2017
V/v "tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Bình
2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đặng Tố Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2016/TLST- KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2017/QĐXX-ST ngày 7 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Truyền thông B. Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 107, số 7 đường N, Phường P, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Thành T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền ngày 30 tháng 12 năm 2015).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Đ (đổi tên thành Công ty Cổ phần đầu tư & Xây dựng Kỹ thuật C). Địa chỉ trụ sở chính: Số 5-7 đường H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 8/9/2015, nguyên đơn – Công ty TNHH Truyền thông B trình bày yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn – Công ty Cổ phần Đầu tư Đ như sau:

Ngày 10/4/2015, Công ty B và Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Đ – nhà hàng P có lập và ký Hợp đồng dịch vụ trong đó: nhà hàng P đồng ý thuê Công ty B tổ chức chương trình biểu diễn tại nhà hàng cà phê P tại số 8 đường B, Phường C, Quận V với tổng giá trị thực hiện là 157.000.000 đồng và giá trị sau thuế là 172.700.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, chúng tôi đã thực hiện nghiêm túc và hoàn thành hợp đồng theo đúng tiến độ và yêu cầu của nhà hàng P. Tuy nhiên, tới nay nhà hàng P mới chỉ thanh toán cho chúng tôi số tiền là 120.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 52.700.000 đồng, chúng tôi đã xuất và chuyển hóa đơn VAT cho nhà

hàng P. Mặc dù chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu nhà hàng P phải thanh toán cho chúng tôi số tiền còn lại nhưng nhà hàng P không thực hiện. Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên chúng tôi yêu cầu Tòa xem xét và buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Đ phải thanh toán số tiền là 52.700.000 đồng.

Về phía bị đơn vắng mặt kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Thành T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền còn nợ là 52.700.000 đồng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của đương sự tại phiên tòa.

- Về nội dung: căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Công ty TNHH Truyền thông B có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ với Công ty Cổ phần Đầu tư Đ (đổi tên thành Công ty Cổ phần đầu tư & Xây dựng Kỹ thuật C) tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: trong vụ án Tòa án có thu thập chứng cứ bằng hình thức xác nhận tình trạng hoạt động của bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Đ (đổi tên thành Công ty Cổ phần đầu tư & Xây dựng Kỹ thuật C) nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: ông Nguyễn Thành T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

[4.1] Căn cứ Hợp đồng dịch vụ ngày 10/4/2015 có nội dung: Bên A: Công ty Truyền thông B và Bên B: Chi nhánh Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Đ – nhà hàng P. Bên B đồng ý thuê bên A tổ chức chương trình biểu diễn tại nhà hàng Cà phê P, địa chỉ số 8 đường B, Phường C, Quận V, trị giá hợp đồng là 157.000.000 đồng, giá trị sau thuế 172.700.000 đồng. Ngày 15/5/2015, nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng tổng cộng tiền thanh toán là 172.700.000 đồng. Vào ngày 29/5/2015, bị đơn chuyển khoản số tiền 120.000.000 đồng cho nguyên đơn. Tại Giấy đề nghị thanh toán ngày 29/6/2015, nguyên đơn xác nhận đã nhận thanh toán tổng số tiền 120.000.000 đồng và số tiền còn lại chưa thanh toán là 52.700.000 đồng và yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn lại cho nguyên đơn là 52.700.000 đồng.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thì giữa nguyên đơn, bị đơn đã xác lập hợp đồng dịch vụ, giá trị của hợp đồng sau thuế là 172.700.000 đồng, nguyên đơn thừa nhận đã nhận của bị đơn số tiền là 120.000.000 đồng. Do đó, số tiền còn lại bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 52.700.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền này.

Về thời hạn: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực.

[4.2] Đối với bị đơn: tại phiên tòa bị đơn đã được niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt cho thấy bị đơn đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.3] Qua phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 85, 87 và 306 của Luật Thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền 52.700.000 đồng cho nguyên đơn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực.

[5] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 52.700.000 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn chịu toàn bộ án phí kinh doanh, thương mại với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) là 2.635.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn lại án phí tạm nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 85, 87 và 306 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Đ (đổi tên thành Công ty Cổ phần đầu tư & Xây dựng Kỹ thuật C) phải trả cho Công ty TNHH Truyền thông B số tiền 52.700.000 (năm mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu phía bị đơn chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Đầu tư Đ (đổi tên thành Công ty Cổ phần đầu tư & Xây dựng Kỹ thuật C) phải chịu án phí sơ thẩm là 2.635.000 (hai triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Truyền thông B 1.317.500 (một triệu ba trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003250 ngày 17/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 4, quận Tân Bình nơi bị đơn có trụ sở. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận
- TAND TP.HCM;
- THADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Kim Thương